TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2026/DS-PT
Ngày 26/6/2026
"*V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Trọng và ông Ngô Thế Tương.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2026/TLPT-DS ngày 05/5/2026 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 17/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2026/QĐ-PT ngày 01/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2026/QĐ-PT ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Tài, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nay thuộc xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Tài là*:* Ông Nguyễn Khắc Anh, sinh năm 1977; Nơi thường trú: Thôn An Chiểu 2, xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ hiện nay: Căn hộ 1922, Tòa S207, khu đô thị Vinhomes Ocen Pak, xã Gia Lâm, tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Hữu Tấn, sinh năm 1960; Quê quán: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Số 72 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nay thuộc: Số 72 Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Tấn:

- Công ty Luật Gia Bách - Chi nhánh Hải Dương. Địa chỉ: Số 88, đường Nguyễn Cao, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện nay thuộc: Số 32 Trần Công Hiến, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng. Người đại diện: Bà Luân Thị Nương - Luật sư - Trưởng Chi nhánh.

- Bà Ngô Thị Yến, sinh năm 1973. HKTT: Vinhomes Smart City, phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hữu Tấn:

- Ông Đoàn Khánh - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Gia Bách chi nhánh Hải Phòng - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 88, đường Nguyễn Cao, phường Cẩm Thượng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện nay thuộc: Số 32 Trần Công Hiến, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng;

- Ông Nguyễn Sỹ Anh - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Thông Tuệ; Địa chỉ: Phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm 1950; Quê quán: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Nơi thường trú: Tổ 4, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nay thuộc xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang;

4.2. Bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn 1, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 1 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên;

4.3. Bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1955;

4.4. Ông Nguyễn Hữu Tiến, sinh năm 1958;

Đều địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên;

4.5. Ông Nguyễn Hữu Tấn, sinh năm 1960; Quê quán: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ: Số 72 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Nay thuộc: Số 72 Chi Lăng, phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng;

4.6. Ông Nguyễn Hữu Tính, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Nay thuộc xã Bắc Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu Tuấn, bà Nguyễn Thị Hợp, bà Nguyễn Thị Lý và ông Nguyễn Hữu Tính là: Ông Nguyễn Hữu Tiến, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên.

4.7. Ông Cao Chu Dũng, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nay thuộc: Thôn 3 (Thuần Hưng), xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên;

4.8. UBND xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện: Ông Hoàng Văn Pho - Phó chủ tịch UBND xã Chí Minh.

5. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nguyễn Hữu Tấn.

6. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên.

(Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Khắc Anh, bà Nguyễn Thị Hoa; vắng mặt toàn bộ những người còn lại)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tài và đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Khắc Anh trình bày:

Cụ Nguyễn Hữu Huân (chết năm 2013) và cụ Đào Thị Thư (chết năm 2021). Cụ Huân và cụ Thư sinh được 08 người con gồm: Ông Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm 1950; bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị Lý, sinh năm 1955; ông Nguyễn Hữu Tiến, sinh năm 1958; ông Nguyễn Hữu Tấn, sinh năm 1960; ông Nguyễn Hữu Tính, sinh năm 1963; ông Nguyễn Hữu Tài, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1971. Ngoài ra cụ Huân, cụ Thư không nhận con nuôi và không có con riêng nào khác.

Đối với mảnh đất gồm các thửa 402, 404, 323 và 389 thuộc tờ bản đồ số 6; vị trí tại thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã được UBND tỉnh Hải Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/12/1990 đứng tên cụ Nguyễn Hữu Huân. Nguồn gốc mảnh đất trên là của cha ông để lại qua các thế hệ. Năm 2002, khi hai cụ Huân, Thư còn khỏe mạnh, minh mẫn đã tự lập di chúc để phân chia di sản cho các con. Theo đó cụ Huân, cụ Thư lập di chúc chia cho ông Tài toàn bộ thửa đất số 402 với diện tích là 202m^2 (đất ở, lâu dài) và cho anh Nguyễn Hữu Linh (con ông Tấn và là cháu nội cụ Huân) thửa đất số 404 diện tích là 265m^2 (gồm đất ở và đất vườn KTGĐ). Việc lập di chúc có lập thành văn bản viết tay và cụ Huân, cụ Thư đã ký tên, điểm chỉ vào bản di chúc, đồng thời di chúc được đại diện chính quyền địa phương là UBND xã Thuần Hưng xác nhận vào ngày 12/4/2002. Do vậy ông khẳng định việc lập di chúc trên của cụ Huân, cụ Thư là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất còn lại, cụ Huân và cụ Thư cũng đã phân chia cho 04 con trai (ông Tuấn, ông Tấn, ông Tính và ông Tiến), các con gái không được cụ Huân và cụ Thư phân chia đất. Do ông đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nên mảnh đất của ông được bố mẹ cho đã bị ông Nguyễn Hữu Tấn và bà Nguyễn Thị Hoa lấn chiếm một phần. Đến nay ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất bố mẹ cho nhưng do trong gia đình không đạt được sự thống nhất. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Xác định di sản của cụ Huân, cụ Thư để lại có diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; Tại thửa số 402, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Công nhận bản Di chúc của cụ Huân và cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 là

đúng quy định của pháp luật; Phân chia di sản thừa kế của cụ Huân và cụ Thư để lại cho ông Tài theo nội dung bản di chúc ngày 10/4/2002; đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoa phải trả cho ông Tài diện tích theo đo đạc thực tế là 169,1m^2.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoa trình bày: Bà đồng nhất như quan điểm của ông Tài trình bầy về quan hệ huyết thống, gia đình, nguồn gốc và số diện tích đất bố mẹ bà để lại. Việc bố mẹ bà có lập di chúc chia đất cho các con, bà chỉ được bố mẹ thông báo lại, còn không trực tiếp tham gia, ký kết vào văn bản. Sau này thì bà được biết cụ Huân, cụ Thư di chúc chia cho ông Tài toàn bộ thửa đất số 402 với diện tích là 202m^2 và cho cháu Nguyễn Hữu Linh (con ông Tấn và là cháu nội cụ Huân) thửa đất số 404, diện tích đất là 265m^2. Việc lập di chúc có lập thành văn bản viết tay và cụ Huân, cụ Thư đã ký tên, điểm chỉ vào bản di chúc. Đồng thời di chúc được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận vào ngày 12/4/2002, bản gốc hiện ông Tài đang lưu giữ. Đối với phần diện tích đất còn lại, cụ Huân và cụ Thư cũng đã phân chia cho 04 con trai (gồm: Ông Tuấn, ông Tấn, ông Tính và ông Tiến), các con gái không được bố, mẹ phân chia đất. Hiện bà sử dụng một phần đất của ông Tài được bố mẹ phân chia vì bà không khẳng định việc bố mẹ phân chia đất cho ông Tài đã hợp pháp hay chưa. Đến nay, ông Tài làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bố mẹ cho nhưng trong gia đình chưa đạt được sự thống nhất nên ông Tài quyết định làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết. Quan điểm của bà đề nghị Tòa án xem xét: Nếu bản di chúc của cụ Huân, cụ Thư để lại về việc phân chia di sản thừa kế cho ông Tài là hợp pháp thì bà chấp hành, thực hiện theo nội dung di chúc. Trong trường hợp phân chia di sản thừa kế mà bà được hưởng thì bà đề nghị giao toàn bộ kỷ phần của bà được hưởng cho ông Tài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Ông Nguyễn Hữu Tuấn, bà Nguyễn Thị Hợp, bà Nguyễn Thị Lý, ông Nguyễn Hữu Tiến, ông Nguyễn Hữu Tính (và đại diện theo ủy quyền của ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tính là ông Nguyễn Hữu Tiến) thống nhất quan điểm như sau:*

Bố mẹ ông, bà là cụ ông Nguyễn Hữu Huân (chết năm 2013) và cụ bà Đào Thị Thư (chết năm 2021). Hai cụ Huân, Thư sinh được 08 người con như ông Tài, bà Hoa trình bầy. Ngoài ra, cụ Huân, cụ Thư không nhận con nuôi và không có con riêng nào khác.

Nguồn gốc di sản thừa kế của cụ Huân, cụ Thư và việc cụ Huân, cụ Thư lập di chúc chia cho ông Tài toàn bộ thửa đất số 402 với diện tích là 202m^2 và cho anh Linh (con ông Tấn) đối với thửa đất số 404 diện tích là 265m^2 như ông Tài và bà Hoa đã trình bầy. Việc lập di chúc có lập thành văn bản viết tay và cụ Huân, cụ Thư đã ký tên, điểm chỉ vào bản di chúc, đồng thời di chúc được đại diện chính quyền địa phương xác nhận vào ngày 12/4/2002. Do vậy các ông, bà khẳng định việc lập di chúc trên của cụ Huân, cụ Thư là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất còn lại trên tổng diện tích đất cụ Huân, cụ Thư cũng đã phân chia

cho 04 con trai gồm: Ông Tuấn, ông Tấn, ông Tính và ông Tiến; còn các con gái không được phân chia. Do ông Tài đi làm xa nên hiện mảnh đất chia cho ông Tài bị ông Tấn và bà Hoa lấn chiếm một phần đất. Nay ông Tài khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Xác định di sản thừa kế là của cụ Huân, cụ Thư; Công nhận di chúc là hợp pháp và phân chia di sản thừa kế theo nội dung di chúc. Quan điểm của các ông, bà nhất trí với nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Tài. Trong trường hợp phân chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất nêu trên mà cụ Huân, cụ Thư di chúc cho ông Tài thì ông, bà đề nghị giao toàn bộ kỷ phần của ông, bà được hưởng cho ông Tài. Đối với bản Di chúc của cụ Huân và cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 có đúng trình tự, quy định của pháp luật hay không thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết.

- *Ông Nguyễn Hữu Tấn:*

Ông Tấn thống nhất về bố mẹ (cụ Huân, cụ Thư), năm các cụ chết và 08 anh chị em ruột như lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người liên quan đã trình bầy.

Mảnh đất gồm thửa 402, 404, 323 và 389 thuộc tờ bản đồ số 6; thuộc thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, đã được UBND tỉnh Hải Hưng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/12/1990 đứng tên cụ Nguyễn Hữu Huân. Nguồn gốc mảnh đất là của cha ông để lại qua các thế hệ. Trước năm 2002, ông Tính cần tiền để sử dụng vào việc cá nhân của gia đình mình nên đã bán cho ông phần đất bố mẹ cho ông Tính với diện tích 265m^2 trên tổng diện tích mảnh đất của bố mẹ khi đó đang ở. Mục đích ông mua mảnh đất của ông Tính để cho con trai ông là Nguyễn Hữu Linh. Khi đó, toàn bộ mảnh đất trên vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bố mẹ ông nên để hoàn tất thủ tục pháp lý, cụ Huân và cụ Thư đã làm di chúc để cho con ông (Nguyễn Hữu Linh là cháu nội) đối với toàn bộ thửa đất số 404, diện tích đất tương ứng là 265m^2. Khi lập di chúc, cụ Huân, cụ Thư còn khỏe, minh mẫn.

Đối với việc cụ Huân, cụ Thư có làm di chúc để cho ông Nguyễn Hữu Tài đối với toàn bộ thửa đất số 402 với diện tích 202m^2 đất trong tổng diện tích đất của bố mẹ ông nêu trên hay không thì ông không biết. Khi cụ Huân, cụ Thư lập di chúc ông không trực tiếp tham gia nhưng việc cụ Huân, cụ Thư làm thủ tục lập di chúc cho cháu Linh thì ông có biết và cũng đã thống nhất quan điểm với cụ Huân, cụ Thư về việc này. Sau khi lập cụ Huân, cụ Thư là người lưu giữ bản di chúc, còn sau này chuyển cho ai giữ thì ông không biết. Khi cụ Huân, cụ Thư còn sống, minh mẫn cũng đã nói chuyện với các con về việc phân chia di sản của bố mẹ để lại cho ông Tài được hưởng toàn bộ thửa đất số 402 với diện tích đất là 202m^2 nhưng với điều kiện ông Tài phải có trách nhiệm trông nom bố mẹ lúc ốm đau và chưa được bán, chuyển nhượng cho ai khác khi chưa làm đầy đủ các thủ tục theo phong tục, tập quán (sang cát) xong cho bố mẹ sau khi chết. Tuy nhiên, khi hai cụ Huân Thư còn

sống bản thân ông Tài cũng không làm tròn trách nhiệm của người con, mặc dù được bố mẹ ưu ái cho phần di sản nhiều hơn các anh em khác. Sau khi cụ Huân, cụ Thư chết thì ông Tài có bảo anh chị em việc ông Tài đã bán toàn bộ phần đất bố mẹ cho ông Tài cho bà Hoa từ cách đó khoảng 05 năm. Việc mua bán giữa ông Tài và bà Hoa, ông chỉ thấy ông Tài nói chuyện, còn các bên chưa đưa ra văn bản, tài liệu nào thể hiện việc đã bán. Đến nay, ông Tài yêu cầu các anh chị em ký nhận các thủ tục theo quy định để sang tên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tài đối với thửa đất số 402 thì ông không đồng ý với lý do: Khi mẹ ông chưa chết thì ông Tài đã chuyển nhượng cho bà Hoa mảnh đất mà bố mẹ cho thừa kế. Việc ông Tài bán cho bà Hoa là sai quy định vì chưa thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Tài. Trong bản di chúc mà bố mẹ lập cho thừa kế đối với ông Tài được ghi ngày 10/4/2002 nhưng đến ngày 12/4/2002 mới được đóng dấu, xác nhận của UBND xã là sai quy định về thủ tục công chứng, chứng thực. Các tài sản trên đất chưa được ghi vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi bố ông chết có dặn dò không được làm thủ tục cấp lại, sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tài khi chưa lo xong thủ tục ma chay, sang cát cho bố mẹ ông theo đúng phong tục, tập quán của địa phương. Nay ông Tài khởi kiện, quan điểm của ông xác định: Ông cũng xác định khối di sản tại thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích 202m^2; Vị trí: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên là của cụ Huân và cụ Thư để lại; Đối với bản di chúc của cụ Huân và cụ Thư, được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 ông xác định là không hợp pháp; Đối với yêu cầu của ông Tài về việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại cho ông Tài theo nội dung bản di chúc ông không nhất trí. Quan điểm của ông phải để làm thủ tục sang cát cho cụ Thư xong thì ông mới nhất trí phân chia. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xem xét việc di chúc hợp pháp hay không hợp pháp và việc phân chia di sản theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, ông Nguyễn Hữu Tấn làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập:

- Ông Tấn đề nghị phân chia di sản thừa kế của cụ Huân và cụ Thư đối với thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2, vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG.

Quan điểm của các đương sự đối với yêu cầu độc lập của ông Tấn như sau:

- Quan điểm của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền: Đề nghị Toà án giải quyết phân chia di sản thừa kế của cụ Huân và cụ Thư đối với thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích là 140m^2 theo quy định của pháp luật. Toàn bộ diện tích thửa đất trên hiện vợ chồng bà Hoa, ông Dũng đã xây nhà và đang quản lý, sử dụng. Trường hợp Toà án xác định phân chia theo quy định của pháp luật thì đề nghị cho tặng, giao toàn bộ kỷ phần của phía nguyên đơn được hưởng cho bà Hoa, ông Dũng.

- Quan điểm của bà Hoa: Bà xác định thửa đất trên đã được gia đình họp bàn để tặng cho bà và vợ chồng bà cũng đã xây nhà, sử dụng ổn định từ nhiều năm nay. Trường hợp Toà án xác định phân chia thì bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tính) thông qua đại diện theo ủy quyền là ông Tiến: Thửa đất trên đã được gia đình họp bàn để tặng cho bà Hoa và vợ chồng bà Hoa, ông Dũng cũng đã xây nhà, sử dụng ổn định từ năm 2014-2015 đến nay nên các ông bà không có ý kiến gì. Trường hợp Toà án xác định phân chia theo quy định của pháp luật thì đề nghị giao toàn bộ kỷ phần của các ông, bà (ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tính, ông Tiến) cho bà Hoa, ông Dũng.

- Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dũng: Ông và bà Hoa là vợ chồng, gia đình nhà bà Hoa đã họp bàn để tặng cho bà Hoa phần đất ao thì vợ chồng ông mới xây nhà và sử dụng ổn định như hiện nay. Trường hợp Toà án xác định phân chia thì ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao phần đất cho bà Hoa vì hiện trên đất có nhà kiên cố mà ông và bà Hoa xây dựng.

UBND xã Thuần Hưng cung cấp về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

- *Nguồn gốc thửa đất tranh chấp (thửa số: 402, tờ bản đồ số 06, thuộc thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) theo đơn khởi kiện của ông Tài:*

+ Theo sổ mục kê, bản đồ 299: Tại thửa số 402, tờ bản đồ số 6, diện tích 202m^2 (loại đất thổ cư); Tại thửa số 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 265m^2 (loại đất thổ cư); Tại thửa số 323, tờ bản đồ số 6, diện tích 72m^2 (loại đất màu); Tại thửa số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (loại đất ao). Cả 04 thửa đất trên đều đứng tên ông Nguyễn Hữu Huân.

+ Năm 1990, UBND tỉnh Hải Hưng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Huân vào ngày 21/12/1990 (số 736), được quyền sử dụng 679m^2 đất gồm các thửa: Thửa số 402, tờ bản đồ số 6, diện tích 202m^2 (loại đất ở); Tại thửa số 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 265m^2 (gồm: 98m^2 đất ở và 167m^2 đất vườn KTGĐ); Tại thửa số 323, tờ bản đồ số 6, diện tích 142m^2 (đất vườn KTGĐ); Tại thửa số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (đất ao KTGĐ).

+ Theo sổ mục kê và bản đồ 1990: Thửa 402, tờ bản đồ số 6, diện tích 202 (đất thổ cư) đứng tên ông Nguyễn Hữu Huân; Thửa 403, tờ bản đồ số 6, diện tích 195m^2 (đất thổ cư) đứng tên ông Nguyễn Hữu Tấn; Thửa 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 265m^2 đứng tên ông Nguyễn Hữu Huân.

+ Năm 2002: Thửa số 402, tờ bản đồ số 6, diện tích 202m^2 (đất thổ cư), ông Huân và bà Thư đã làm Giấy di chúc chuyển cho con trai là ông Nguyễn Hữu Tài toàn bộ diện tích đất vào ngày 10/4/2002 và được UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002; Thửa số 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 265m^2 (đất thổ cư), ông Huân và bà Thư đã làm Giấy di chúc chuyển cho cháu nội là anh Nguyễn Hữu Linh (con ông

Tấn) toàn bộ diện tích đất vào ngày 10/4/2002 và được UBND xã Thuần Hưng xác nhận vào ngày 12/4/2002.

+ Năm 2008: Thửa số 404, tờ bản đồ số 6 được chuyển nhượng diện tích 116,5m^2 cho ông Nguyễn Xuân Phi vào ngày 15/8/2008. Sau đó tiếp tục chuyển nhượng nốt phần diện tích đất còn lại. Thực tế hiện toàn bộ thửa đất trên ông Phi đang quản lý, sử dụng; Thửa 403, tờ bản đồ số 6, diện tích 195m^2 (đất thổ cư) ông Tấn đã chuyển nhượng cho ông, bà Hưng Bình với diện tích 103,5m^2. Phần diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng là phần có cạnh phía Tây - Nam giáp đất ông Huân di chúc cho ông Tài.

- *Nguồn gốc thửa đất tranh chấp theo đơn yêu cầu độc lập của ông Tấn:* Thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2, vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN 736 QSDĐ/CG.

+ Theo hồ sơ địa chính 299 (năm 1980): Thửa đất tranh chấp trên thuộc thửa số 389, tờ bản đồ số 06, diện tích 140m^2, loại đất ao (A) mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Hữu Huân.

+ Theo hồ sơ địa chính 1990: Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 389, tờ bản đồ 06, diện tích 1093m^2, loại đất ao (A) mang tên chủ sử dụng là ông Hoàng Trọng Duyệt (trong nội dung ghi chú trên sổ mục kê thể hiện phần diện tích đất ao trên là ao chung gồm 10 gia đình sử dụng, trong đó ông Huân được sử dụng 140m^2 đất ao). Đến năm 1990, UBND tỉnh Hải Hưng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Huân vào ngày 21/12/1990 (số: 736) được quyền sử dụng 679m^2 đất, trong đó có thửa 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (Đất ao KTGĐ).

+ Theo đo đạc dự án Vlap 2010: Được thể hiện trên thửa đất số 306, tờ bản đồ số 26, diện tích 1385,4m^2. Trong tổng diện tích đất trên có 140m^2 đất ao của ông Huân để lại, phần diện tích còn lại là của chủ sử dụng khác và của bà Hoa đã mua lại.

+ Khoảng năm 2015: Vợ chồng bà Hoa, ông Dũng đã xây dựng nhà kiên cố trên toàn bộ thửa đất, diện tích đất ao trên và hiện vẫn đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Hiện thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- ***Đại diện UBND xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên cho biết***: Theo tài liệu đương sự cung cấp, vào năm 2002, ông Nguyễn Hữu Huân và bà Đào Thị Thư có lập di chúc cho con là ông Nguyễn Hữu Tài thừa kế đối với thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06 và cháu là anh Nguyễn Hữu Linh (con ông Tấn) thửa số 404, tờ bản đồ số 06 tại thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Được đại diện UBND xã Thuần Hưng thời điểm đó là ông Nguyễn Hồng Thao - Cán bộ địa chính và ông Vương Minh Thuận - Chủ tịch UBND xã xác nhận vào ngày 12/4/2002. Việc lập di chúc có đúng trình tự, quy định hay không, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Trình bày của người làm chứng:

- Ông Vương Minh Thuận: Ông công tác và giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Thuần Hưng từ năm 2000 đến năm 2004. Vào năm 2002, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Huân và bà Đào Thị Thư khi đó đều khỏe mạnh, minh mẫn bình thường có làm di chúc để sang tên thừa kế một phần đất của vợ chồng ông bà tại thôn 3, xã Thuần Hưng cho ông Nguyễn Hữu Tài và một phần đất cho anh Nguyễn Hữu Linh (con ông Tấn). Sau khi lập di chúc, ông Huân, bà Thư đến trực tiếp UBND xã Thuần Hưng để xin xác nhận theo trình tự, quy định và được ông Nguyễn Hồng Thao - Cán bộ địa chính thời điểm đó (hiện ông Thao đã chết) và ông là Chủ tịch UBND xã khi đó xác nhận theo quy định. Nay ông xác định việc thực hiện thủ tục xác nhận vào bản di chúc trên là đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất tranh chấp theo đơn khởi kiện của ông Tài: Diện tích đất là 169,1m^2 (đất ở - ONT) có giá trị tương ứng là 15.000.000đ/1m^2. Công trình, cây cối trên đất: 01 ngôi nhà cấp 4, xây dựng đã lâu, hiện đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên không định giá; Lán giá trị còn lại là 6.684.000đ; Sân lát gạch đỏ, diện tích 95,9m^2, giá trị còn lại là 13.326.000đ; Cổng (02 cánh cổng sắt, hàn tôn và 01 trụ cổng), giá trị còn lại là 2.047.000đ; 01 cây Mít giá trị 1.000.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất là: 6.684.000đ + 13.326.000đ + 2.047.000đ + 1.000.000đ = 23.057.000 đồng.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất tranh chấp theo đơn yêu cầu độc lập của ông Tấn: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp hiện bà Hoa, ông Dũng đang quản lý, sử dụng có diện tích là 140m^2 (đất ao) có giá trị tương ứng là: 140m^2 x 4.200.000đ/1m^2 = 588.000.000đ. Công trình trên đất: 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 179,5m^2 giá trị còn lại là 2.154.000.000đ; Công san lấp tương ứng bằng: 1,5m x 140m^2 x 220.000đ = 46.200.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DSST ngày 17/3/2026 của TAND khu vực 3 - Hưng Yên đã quyết định:

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tài.

- Xác định bản Di chúc của cụ Huân và cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 là hợp pháp.

- Xác định di sản của cụ Huân, cụ Thư để lại cho ông Tài theo di chúc có diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; Tại thửa số 402, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (Nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên).

- Phân chia di sản thừa kế của cụ Huân và cụ Thư để lại cho ông Tài theo nội dung bản di chúc ngày 10/4/2002, có xác nhận của UBND xã Thuần Hưng ngày 12/4/2002. Buộc bà Nguyễn Thị Hoa phải trả cho ông Tài diện tích theo đo đạc thực tế là 169,1m^2; Tại thửa số 402, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng,

huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (Nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên). Có các cạnh là: ABCDHEFG.

- Giao cho ông Tài được quyền sở hữu công trình, vật kiến trúc, cây cối trên phần diện tích đất 169,1m^2 gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 (đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng); 01 Lán; 01 Sân lát gạch đỏ, diện tích 95,9m^2; 01 Cổng (02 cánh cổng sắt, hàn tôn và 01 trụ cổng); 01 cây Mít.

- Ghi nhận quan điểm của ông Tiến, bà Hoa về việc không yêu cầu ông Tài phải thanh toán trả lại phần giá trị công trình trên đất do ông Tiến, bà Hoa xây dựng gồm: Lán; Sân lát gạch đỏ; Cổng.

Việc chia đất và công trình, vật kiến trúc gắn liền trên đất có sơ đồ kèm theo bản án. Người được chia, giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ.

***Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Hữu Tấn:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Tấn: Xác định thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (đất ao), vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG là di sản của cụ Huân và cụ Thư để lại chưa chia.

- Không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của ông Nguyễn Hữu Tấn về việc buộc bà Hoa, ông Dũng phải tháo dỡ công trình trên đất.

- Ghi nhận quan điểm của ông Tài, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến và ông Tính về việc xác định đối với kỷ phần được phân chia đề nghị giao cho bà Hoa.

- Giao cho bà Hoa được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 140m^2 (đất ao), thuộc thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6 vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG. Có các cạnh là: ABCDEF.

- Giao cho bà Hoa, ông Dũng được quyền sở hữu toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên phần diện tích đất 140m^2 gồm 01 phần ngôi nhà 02 tầng.

- Thanh toán nghĩa vụ: Buộc bà Hoa có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Tấn phần giá trị chênh lệch tương ứng với kỷ phần ông Tấn được hưởng là: 65.333.333đ (Sáu mươi năm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Việc chia đất và công trình, vật kiến trúc gắn liền trên đất có sơ đồ kèm theo bản án. Người được chia, giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất đối với bà Hoa, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/3/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Hữu Tấn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị tuyên bố văn bản

di chúc vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông; Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất 389.

Ngày 30/3/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoa kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu Tấn xác định ông Tấn đã cho bà Nguyễn Thị Hoa phần đất ao nên không được chia kỷ phần được hưởng bằng tiền là 65.300.000 đồng.

Ngày 31/3/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS nội dung:

- Kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm về phần xác định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự phải nộp.

- Đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể:

+ Xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự đối với phần công sức gìn giữ, tôn tạo tài sản đã áng trích cho ông Cao Chu Dũng theo đúng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

+ Buộc bà Nguyễn Thị Hoa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với toàn bộ giá trị tài sản thực tế được hưởng khoảng 490.000.000 đồng theo đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Tài thông qua đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Khắc Anh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xác định bản Di chúc của cụ Huân và cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 là hợp pháp.

- Xác định di sản của cụ Huân, cụ Thư để lại cho ông Tài theo di chúc ngày 10/4/2002 là thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, có diện tích đo đạc thực tế 169,1m^2; tại địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên).

Ông Tài tự nguyện tặng cho bà Hoa toàn bộ thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên).

Bà Hoa có quan điểm: Xác định thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu đã được hai cụ Huân Thư định đoạt cho ông Tài theo di chúc ngày 10/4/2002. Bà xin rút yêu cầu kháng cáo và đề nghị hội đồng xét xử công nhận việc tặng cho của ông Tài đối với thửa đất trên. Về phần án phí sơ thẩm ông Tài: Hiện ông Tài đã nộp một phần, đối với phần còn thiếu, bà Hoa đề nghị chuyển giao nghĩa vụ cho bà để thực hiện thay cho ông Tài.

Ông Tấn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vẫn giữ nguyên yêu cầu

kháng cáo nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hưng Yên, các đương sự là ông Nguyễn Khắc Anh và bà Hoa đều đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hưng Yên sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của các đương sự đối với phần tài sản áng trích cho ông Cao Chu Dũng theo đúng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH; buộc bà Nguyễn Thị Hoa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với toàn bộ giá trị tài sản thực tế được hưởng khoảng 490.000.000 đồng theo đúng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nguyễn Hữu Tấn làm trong thời hạn quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; bà Hoa đã nộp tiền tạm ứng án phí, ông Tấn thuộc diện được miễn nộp; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hưng Yên là đúng thẩm quyền và trong thời hạn luật định. Vì vậy kháng cáo và kháng nghị là hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa vắng mặt một số đương sự nhưng đã có mặt đại diện theo ủy quyền hoặc có đơn xin vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoa:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hoa rút kháng cáo. Nhận thấy việc rút kháng cáo của bà Hoa là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét kháng cáo của bà Hoa.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tấn. Hội đồng phúc thẩm nhận thấy:

[3.1]. Về nguồn gốc đất; giá trị tài sản, di sản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tài và yêu cầu độc lập của ông Tấn:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại UBND xã Thuần Hưng thì có căn cứ xác định:

- Thửa đất số 402, tờ bản đồ số 6, diện tích theo bản đồ là 202m^2, diện tích đo thực tế 169,1m^2 (loại đất thổ cư) hiện đang tranh chấp thuộc địa phận thôn 3, xã

Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên) là tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn Hữu Huân và cụ Đào Thị Thư.

- Thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (loại đất ao), có vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG cũng là tài sản chung của hai cụ Nguyễn Hữu Huân và cụ Đào Thị Thư để lại.

[3.2]. Xét Di chúc của cụ Huân, cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002:

Về hình thức của di chúc: Được lập thành văn bản, hai cụ Huân Thư đã ký và điểm chỉ vào di chúc đồng thời có sự chứng thực của cơ quan có thẩm quyền là UBND xã Thuần Hưng nên phù hợp với quy định tại Điều 652, 653, 660, 661 Bộ luật dân sự năm 1995.

Về nội dung: Vợ chồng cụ Huân định đoạt cho ông Tài thửa đất thổ cư số 402, tờ bản đồ số 6, diện tích theo bản đồ là 202m^2 (diện tích đo thực tế 169,1m^2) thuộc địa phận thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; đồng thời cho cháu Nguyễn Hữu Linh (con ông Tấn) thửa đất số 404, tờ bản đồ số 6, diện tích 265m^2. Nhận thấy tại thời điểm lập di chúc, hai cụ Huân Thư đều khỏe mạnh, minh mẫn, việc lập di chúc của hai cụ là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, lừa dối hay bị đe dọa. Thửa đất số 402, diện tích đo thực tế 169,1m^2 và thửa đất số 404 diện tích 265m^2 đều tờ bản đồ số 6, là tài sản hợp pháp của hai cụ nên hai cụ có toàn quyền định đoạt cho ông Tài và cháu Linh. Nội dung di chúc không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được xác định là hợp pháp. Phía ông Tấn cho rằng phần di chúc định đoạt cho anh Linh (con ông) là hợp pháp trong khi ông không công nhận phần di chúc đối với việc hai cụ định đoạt cho ông Tài là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm xác định Di chúc của cụ Huân và cụ Thư ngày 10/4/2002 là hợp pháp; đồng thời công nhận thửa đất số 402, diện tích đo thực tế 169,1m^2 đã được hai cụ định đoạt cho ông Tài là hoàn toàn có căn cứ. Do bà Hoa đang sử dụng thửa đất này nên cần buộc bà Hoa phải hoàn trả cho ông Tài là phù hợp. Đối với các tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 đã hết khấu hao, lán sân gạch, cổng do ông Tiến, bà Hoa xây dựng; các đương sự không yêu cầu ông Tài thanh toán nên được chấp nhận; đối với 1 cây mít là di sản nhưng các đương sự không yêu cầu chia nên không đặt ra xem xét.

Việc ông Tấn kháng cáo cho rằng di chúc vô hiệu và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tài tặng cho bà Hoa toàn bộ thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên). Xét thấy đây

là sự tự nguyện của đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3.3]. Đối với yêu cầu của ông Tấn về việc chia thừa kế thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (đất ao), tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:

Ông Tài, bà Hoa, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến, ông Tính là các con của hai cụ Huân Thư đều cho rằng thửa đất trên đã được gia đình họp bàn để tặng cho bà Hoa. Tuy nhiên các ông bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Phía ông Tấn cũng không thừa nhận việc họp bàn tặng cho này. Vì vậy phải xác định thửa đất 389, diện tích 140m^2 là di sản của hai cụ Huân Thư chưa được phân chia. Cụ Nguyễn Hữu Huân (chết năm 2013) và cụ Đào Thị Thư (chết năm 2021) đều không để lại di chúc đối với thửa đất này; thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với di sản của hai cụ là còn thời hiệu. Cho nên, yêu cầu của ông Tấn đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất trên là được chấp nhận.

Cấp sơ thẩm đã xác định 140m^2 đất (4.200.000đ/1m^2) trị giá 588.000.000 đồng; áng trích công sức cho vợ chồng bà Hoa bằng 1 kỷ phần tương ứng 65.333.333 đồng; chia thừa kế phần còn lại cho 8 kỷ phần là ông Tài, bà Hoa, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến, ông Tính và ông Tấn mỗi người được hưởng 65.333.333 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Do vợ chồng bà Hoa đã xây dựng nhà kiên cố trên đất tranh chấp và các đồng thừa kế (ngoại trừ ông Tấn) đều nhường toàn bộ kỷ phần cho bà Hoa nên cấp sơ thẩm giao cho vợ chồng bà Hoa quản lý sử dụng thửa đất 389; buộc bà Hoa phải thanh toán trả ông Tấn kỷ phần ông được hưởng 65.333.333 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không buộc bà Hoa phải chịu lãi suất khi chậm trả khoản tiền trên là thiếu sót nên cấp phúc thẩm sẽ bổ sung.

Vì vậy kháng cáo của ông Tấn buộc vợ chồng bà Hoa phải tháo dỡ nhà trên thửa đất số 389 là không được chấp nhận.

[4]. Xét Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 31/3/2026 của Viện trưởng VKSND khu vực 3 - Hưng Yên:

[4.1]. Nghĩa vụ chịu án phí đối với phần công sức gìn giữ, tôn tạo tài sản của ông Cao Chu Dũng:

Trong vụ án, ông Cao Chu Dũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không thuộc diện thừa kế, có yêu cầu hưởng công sức gìn giữ, tôn tạo thửa đất tranh chấp 389 (ông không có yêu cầu độc lập) và ông Dũng có quan điểm đề nghị giao toàn bộ phần công sức của ông cho bà Hoa; yêu cầu này được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã áng trích công sức cho ông Dũng, bà Hoa 15,55 m^2 đất = 65.333.333 đồng. Trong số tiền công sức 65.333.333 đồng; bà Hoa ông Dũng mỗi người có ½ = 32.666.666 đồng.

Theo quy định thì ông Tấn, ông Tài, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến, ông Tính và bà Hoa mỗi người phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với giá trị phần tài sản là công sức ông Dũng được hưởng. Cụ thể: (32.666.666 đồng × 5%) : 8 = 204.166 đồng/người. Do ông Tấn, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến và ông Tính thuộc trường hợp được miễn nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần này. Ông Tài, bà Hoa là người phải chịu phần án phí 204.166 đồng/người.

Đối với số tiền công sức 32.666.666 đồng của bà Hoa sẽ được tính vào di sản bà Hoa được hưởng và tính án phí theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm tuyên bà Hoa phải chịu án phí sơ thẩm đối với toàn bộ phần công sức được áng trích là 3.266.666 đồng; không buộc ông Tài phải chịu phần án phí đối với giá trị phần tài sản ông Dũng được hưởng là không đúng. Cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại.

[4.2]. Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế bà Nguyễn Thị Hoa được hưởng, được các đồng thừa kế khác tặng cho và phần công sức của bà; án phí dân sự sơ thẩm của ông Tài:

Trị giá di sản bà Nguyễn Thị Hoa được nhận cộng với phần công sức của bà là: 588.000.000 đồng - 65.333.333 đồng (phần di sản trả ông Tấn) - 32.666.666 đồng (trích công sức cho ông Dũng) = 490.000.001 đồng. Án phí của bà Hoa tương ứng là 23.600.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền án phí mà bà Nguyễn Thị Hoa phải chịu trong vụ án là: 23.600.000 đồng (án phí chia di sản thừa kế) + 204.166 đồng (án phí đối với phần công sức của ông Dũng) = 23.804.166 đồng.

Quyết định Kháng nghị số 01 vừa tính án phí trên phần công sức bà Hoa được hưởng 32.666.666 đồng (với số tiền án phí 1.633.333 đồng) đồng thời lại nhập số tiền 32.666.666 đồng vào khối di sản bà Hoa được hưởng để tiếp tục tính án phí là không đúng gây thiệt hại cho đương sự.

Đối với ông Nguyễn Hữu Tài, án phí sơ thẩm ông phải chịu là: 82.750.000 đồng (án phí chia thừa kế) + 204.166 đồng (án phí đối với phần công sức của ông Dũng) = 82.954.166 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng 10.000.000 đã nộp, ông Tài còn phải nộp tiếp số tiền là: 72.954.166 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tài tặng cho bà Hoa thửa đất 402; phía bà Hoa tự nguyện chịu thay ông Tài phần án phí còn thiếu. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận sự tự nguyện của bà Hoa.

Cho nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND khu vực 3 - Hưng Yên.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà Hoa, ông Tấn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hoa. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tấn. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Tài về việc tặng cho bà Nguyễn Thị Hoa thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DSST ngày 17/3/2026 của TAND khu vực 3 - Hưng Yên như sau:

Áp dụng Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 656, 660 và Điều 670 của Bộ luật dân sự năm 1995; Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tài.

Áp dụng Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với yêu cầu độc lập của ông Tấn.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tài.

- Xác định bản Di chúc của cụ Huân và cụ Thư lập ngày 10/4/2002 được đại diện UBND xã Thuần Hưng xác nhận ngày 12/4/2002 là hợp pháp.
- Xác định di sản của cụ Huân, cụ Thư để lại cho ông Nguyễn Hữu Tài theo di chúc ngày 10/4/2002 là thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên). Ông Tài có toàn quyền định đoạt thửa đất trên.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hữu Tài tặng cho bà Nguyễn Thị Hoa thửa đất số 402, tờ bản đồ số 06, diện tích đo đạc thực tế là 169,1m^2; địa chỉ: Thôn 3, xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên). Có các cạnh là: ABCDHEFG. Bà Hoa được quyền sở hữu công trình, vật kiến trúc, cây cối trên phần diện tích đất 169,1m^2 thuộc thửa đất số 402 gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 (đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng); 01 Lán; 01 Sân lát gạch đỏ, diện tích 95,9m^2; 01 Cổng (02 cánh cổng sắt, hàn tôn và 01 trụ cổng); 01 cây Mít và không phải thanh toán trả giá trị các tài sản trên đất cho các đồng thừa kế khác.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu Tấn:

- Xác định thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6, diện tích 140m^2 (đất ao), vị trí tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG là di sản của cụ Huân và cụ Thư để lại chưa chia. Thửa đất được phân chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế gồm ông Tấn, ông Tài, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến, ông Tính và bà Hoa.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Tấn về việc buộc bà Hoa, ông Dũng phải tháo dỡ các công trình trên thửa đất 389.
- Chấp nhận sự tự nguyện của ông Tài, ông Tuấn, bà Hợp, bà Lý, ông Tiến và ông Tính nhường kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Hoa.
- Giao cho bà Hoa được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 140m^2 (đất ao), thuộc thửa đất số 389, tờ bản đồ số 6 tại xã Thuần Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 177426 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng cấp ngày 21/12/1990, số vào sổ cấp GCN: 736 QSDĐ/CG. Có các cạnh là: ABCDEF.
- Bà Hoa, ông Dũng được quyền sở hữu toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên phần diện tích đất 140m^2 gồm 01 phần ngôi nhà 02 tầng.
- Thanh toán nghĩa vụ: Buộc bà Hoa có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Tấn kỷ phần thừa kế ông Tấn được hưởng là: 65.333.333 đồng (Sáu mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Việc chia đất và công trình, vật kiến trúc gắn liền trên đất có sơ đồ kèm theo bản án. Các đương sự được chia, giao quyền sử dụng đất có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng khác:

- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tài: Phía nguyên đơn ông Tài nhận tự chịu trách nhiệm thanh toán, chi trả, không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét, giải quyết.
- Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo đơn yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu Tấn hết 6.500.000 đồng do ông Tấn đã chi: Ghi nhận quan điểm của ông Tấn và bà Hoa về việc mỗi bên chịu ½ chi phí. Đối trừ với số tiền chi phí tố tụng ông Tấn đã nộp nên bà Hoa phải thanh toán, hoàn trả cho ông Tấn là 3.250.000đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hữu Tài phải chịu 82.954.166 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng 10.000.000 đã nộp theo biên lai thu số 2211 ngày 16/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Hưng Yên), ông Tài còn phải nộp tiếp số tiền là: 72.954.166 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoa nộp thay ông Tài số tiền án phí còn thiếu nêu trên là: 72.954.166 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Hoa phải chịu 23.804.166 đồng án phí.
- Ông Nguyễn Hữu Tấn được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hữu Tấn và bà Nguyễn Thị Hoa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Hoa số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 1537 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND, VKSND khu vực 3 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa HC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Thực